

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Bắc đồi Ông Sao, phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2682/STNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Bắc đồi Ông Sao, phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; Văn bản số 1311/CV-ĐP ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Công ty Cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 920/TTr-TNMT ngày 14 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Bắc đồi Ông Sao, phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Bến Tắm;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại
phía Bắc đồi Ông Sao, phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải
Dương của Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Bắc đồi Ông Sao, phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Địa điểm thực hiện: phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong.
- Địa chỉ liên hệ: Km42+500, Quốc lộ 18, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Vị trí địa lý khu vực khai thác:

Điểm góc	Toạ độ hệ VN - 2000 Kinh tuyến trục 105 ^{00'} , múi chiều 6 ⁰		Toạ độ hệ VN - 2000 Kinh tuyến trục 105 ^{030'} , múi chiều 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	2339 572	649 460	2339885.052	597568.967
2	2339 692	649 600	2340004.627	597709.364
3	2339 590	649 720	2339902.235	597829.059
4	2339 484	649 720	2339796.220	597828.720
5	2339 420	649 948	2339731.494	598056.554
6	2339 438	650 008	2339749.307	598116.619
7	2339 267	650 063	2339578.111	598171.088
8	2339 345	649 700	2339657.265	597808.284
9	2339 458	649 560	2339770.721	597668.621
	Diện tích: 9,468 ha		Diện tích: 9,468 ha	

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Tổng diện tích sử dụng đất là 9,923 ha, trong đó:
 - + Diện tích khai trường khai thác khoáng sản: 9,468 ha.
 - + Diện tích hồ thu nước, lán tạm điều hành, đường vận chuyển nằm ngoài ranh giới khai trường khai thác: 0,455 ha.

- Trữ lượng khoáng sản làm VLXDĐT được phép đưa vào thiết kế khai thác từ cao độ hiện trạng đến cốt +30m cấp 122: 2.055.242,27m³, trong đó:

+ Đất, đá phong hóa xen lẫn cuội, sỏi, sạn, cát cấp 122: 647.587,73m³.

+ Đá cát kết cấp 122: 1.407.654,54m³.

- Công suất khai thác khoáng sản (*đất, đá phong hóa xen lẫn cuội, sỏi, sạn, cát và đá cát kết Arko*) hàng năm 550.000m³/năm.

- Thời gian hoạt động: 5 năm, bao gồm:

+ Thời gian làm thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng, thuê đất để khai thác và thời gian xây dựng cơ bản mở là $T_0 = 0,5$ năm.

+ Thời gian khai thác mỏ, $T_1 = 3,7$ năm.

+ Thời gian khai thác khối lượng còn lại và đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường mỏ, T_2 khoảng 0,8 năm.

1.3. Công nghệ khai thác: Áp dụng phương pháp khai thác lộ thiên bằng máy xúc thủy lực gầu ngược kết hợp với ô tô tự đổ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Khai trường khai thác (9,468ha): diện khai thác đầu tiên tại cốt +45m kích thước 70,0m x 90,0m, diện tích 6.300 m²; tuyến đường vận chuyển trong mỏ chiều dài 290m, chiều rộng 7m; rãnh thoát nước chân tầng khai thác kích thước 0,8×0,4×0,4m; bãi chứa tạm chứa đất bóc phủ bề mặt từ năm thứ 2 trở đi diện tích 1.800m²-2.500m².

- Mặt bằng sân công nghiệp và các hạng mục phụ trợ: 01 lán tạm điều hành kết cấu khung thép mái tôn diện tích 48m²; 01 bãi chứa diện tích 900 m² chứa đất bóc phủ bề mặt năm xây dựng mỏ; 01 hố thu nước phía Tây Nam diện tích 860m², sâu 2m; 01 hố thu nước phía Bắc kích thước 25m×16m×2m; đường vận chuyển ngoài mỏ chiều dài 304m; chiều rộng đường 9m; rãnh thoát nước hai bên đường vận chuyển ngoài mỏ kích thước 0,8×0,4×0,4m, dài 304m.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 bể lắng nước rửa xe 3 ngăn kích thước 3×2×1m đặt tại khu vực rửa xe (bể kết cấu xây gạch, trát vữa xi măng chống thấm, ngăn đầu bố trí vải bẫy dầu); 01 khu vực lưu giữ CTNH diện tích 4m² nằm bên trong lán tạm điều hành; 01 nhà vệ sinh di động dung tích chứa chất thải 1m³.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng (thu dọn sinh khối).

- Hoạt động thi công xây dựng cơ bản mỏ (cải tạo diện khai thác đầu tiên, cải tạo hố thu nước, cải tạo tuyến đường vận chuyển, lắp dựng lán điều hành tạm).

- Hoạt động vận hành dự án (khai thác khoáng sản đạt 550.000 m³/năm; vận chuyển đến nơi tiêu thụ).

- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường (san lấp hồ thu nước phía Bắc dự án; lấp đất biên báo tại khu vực hồ thu nước phía Tây Nam, tháo dỡ các hạng mục công trình tạm, san gạt mặt bằng, trồng cây xanh trên diện tích đã san gạt, cải tạo tuyến đường vận chuyển).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản c Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản mỏ

- Quá trình phát quang thảm thực vật làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực dự án.

- Hoạt động của các thiết bị thi công, hoạt động đào đắp, xúc bốc, vận chuyển, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị,... phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- Hoạt động rửa xe phát sinh nước thải, chất thải nguy hại.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động thoát nước mỏ.

- Các rủi ro, sự cố do sạt lở vách taluy.

2.2. Giai đoạn vận hành khai thác

- Hoạt động thu dọn sinh khối phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động của các thiết bị khai thác, xúc bốc, vận chuyển phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, sự cố tai nạn giao thông.

- Hoạt động rửa xe, thiết bị phát sinh nước thải, chất thải nguy hại.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động thoát nước mỏ.

- Các rủi ro, sự cố do trượt lở vách taluy, đá lăn...

2.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Hoạt động của các thiết bị xúc bốc, vận chuyển phát sinh bụi, khí thải, chất thải nguy hại, tiếng ồn, sự cố tai nạn giao thông.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a) Giai đoạn GPMB, xây dựng cơ bản mỏ

- Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại mỏ, với lượng phát sinh khoảng 0,45 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: BOD₅, COD, tổng nitơ (N), tổng phốt pho (P), coliform.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khai trường phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ là 194,4 m³/ngày có thành phần chính là TSS.

- Nước thải rửa xe phát sinh từ quá trình xịt rửa gầm, bánh xe khoảng 0,15 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là đất, cát bám trên xe và dầu mỡ khoáng.

b) Trong giai đoạn vận hành khai thác khoáng sản

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại mỏ, với lượng phát sinh khoảng 0,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: BOD₅, COD, tổng nitơ (N), tổng phốt pho (P), coliform.

- Nước thải rửa xe phát sinh từ quá trình xịt rửa gầm, bánh xe với lượng phát sinh khoảng 7,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là đất, cát bám trên xe và dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khai trường khoảng 359,2 m³/ngày có thành phần chính là TSS.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường

Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại mỏ, với lượng phát sinh khoảng 0,45 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: BOD₅, COD, tổng nitơ (N), tổng phốt pho (P), coliform.

3.1.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn giai đoạn GPMB, xây dựng cơ bản mỏ

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị tham gia thi công và vận chuyển. Thành phần chủ yếu: SO₂, CO, NO_x.

- Bụi phát sinh do hoạt động xúc bốc, khai thác khoáng sản nồng độ 7,19 µg/m³.

b) Giai đoạn vận hành khai thác khoáng sản

- Bụi từ hoạt động xúc bốc, khai thác khoáng sản, với nồng độ phát sinh khoảng 50,6 µg/m³.

- Bụi cuốn từ mặt đường trong quá trình vận chuyển ở khoảng cách 5m là 10.018,75 µg/m³. Bụi, khí thải tác động trực tiếp đến khu vực xung quanh tuyến đường vận chuyển.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị tham gia thi công và vận chuyển. Thành phần chủ yếu: SO_2 , CO , NO_x .

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thi công trên khai trường. Thành phần chủ yếu: SO_2 , CO , NO_x .

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản mỏ

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang sinh khối thực vật khoảng 139,7 tấn.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng cơ bản mỏ (*cải tạo tuyến đường vận chuyển, mở diện khai thác đầu tiên,...*) khoảng 12.179 m^3 , thành phần chủ yếu là đất bóc phủ bề mặt và khoáng sản là đá cát bột kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 01 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

b) Giai đoạn vận hành khai thác khoáng sản

- Chất thải rắn là đất, đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển khoáng sản khoảng 18,3 m^3 /ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang sinh khối thực vật khoảng 62,1 tấn/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt, khối lượng phát sinh khoảng 2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

- Đất bóc phủ bề mặt khối lượng phát sinh từ 96,45 m^3 /năm - 7.033,6 m^3 /năm. Thành phần của đất chủ yếu là đất chứa mùn lá cây, rễ cây.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ lán tạm điều hành, bể lắng nước rửa xe, thành phần chủ yếu gồm tôn, sắt, thép khoảng 5 m^3 ; bê tông, gạch vỡ khoảng 1,68 m^3 .

- Chất thải rắn sinh hoạt, khối lượng phát sinh khoảng 1 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

3.2.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản mỏ

Chất thải nguy hại trong quá trình xây dựng cơ bản mỏ chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, vải bầy dầu khối lượng phát sinh khoảng 2kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành khai thác

Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, vải bẫy dầu, dầu động cơ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc,...khối lượng phát sinh khoảng 96 kg/năm.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, cải tạo phục hồi môi trường: Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dầu mỡ, dầu mỡ thải... khối lượng khoảng 26,2kg.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản mỏ: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công (máy xúc, cưa, ô tô vận chuyển).

b) Giai đoạn vận hành khai thác: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công (máy xúc, cưa, ô tô vận chuyển).

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, cải tạo phục hồi môi trường: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công (máy xúc, máy gạt, máy ủi, ô tô vận chuyển).

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến hệ sinh vật: làm thay đổi hiện trạng khu vực thực hiện dự án, phá vỡ cân bằng sinh thái, có ảnh hưởng nhất định đối với hệ động thực vật, đất có khả năng bị rửa trôi, xói mòn khi gặp mưa làm giảm chất lượng.

- Tác động đến các khu dân cư hiện trạng xung quanh dự án do quá trình khai thác và vận chuyển khoáng sản.

- Hoạt động vận chuyển khoáng sản làm gia tăng mật độ giao thông trên địa bàn phường, làm tăng nguy cơ ách tắc giao thông, tai nạn giao thông, giảm chất lượng đường sá,...

- Rủi ro, sự cố do sạt lở vách taluy trong giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ và vận hành khai thác.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn GPMB, xây dựng cơ bản mỏ

- *Nước thải sinh hoạt:*

Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tạm thời có bể chứa chất thải (dung tích bể chứa khoảng 01 m³) tại khu vực khai trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải mang đi xử lý.

- *Nước mưa chảy tràn:* tạo rãnh thu nước dọc tuyến đường vận chuyển tự chảy về hố thu nước sẵn có phía Tây Nam mỏ.

Quy trình: Nước thải mỏ → rãnh thu nước ven đường vận chuyển → hố thu phía Tây Nam mỏ → rãnh thoát nước của khu vực.

b) Giai đoạn vận hành khai thác

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tạm thời có bể chứa chất thải (dung tích bể chứa khoảng 01 m³) tại khu vực khai trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải mang đi xử lý.

- *Nước mưa chảy tràn*: Khi khai thác ở cos hiện trạng đến cos +45 (hiện trạng của tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ - từ năm thứ nhất đến năm thứ ba), nước mưa theo độ dốc bề mặt và rãnh chân tầng chảy về các rãnh thu nước ven tuyến đường vận chuyển về hố thu nước sẵn có phía Tây Nam mỏ. Bắt đầu từ cos +45 đến cos +30m (sau khi kết thúc năm thứ ba), nước mưa chảy tràn thu theo rãnh chân tầng về hố thu nước phía Bắc mỏ. Nước sau khi lắng tại các hố thu được sử dụng một phần để tưới nước dập bụi đường vận chuyển, một phần sử dụng để xịt rửa bánh xe và một phần tràn tự nhiên vào rãnh thoát nước chung của khu vực.

Quy trình: Nước thải mỏ → rãnh thu nước chân tầng → rãnh thu nước dọc theo đường vận chuyển → hố thu nước phía Tây Nam/hố thu nước phía Bắc mỏ → rãnh thoát nước của khu vực.

- Nước thải rửa xe: thu gom về bể lắng 3 ngăn kích thước 3×2×1m, ngăn đầu tiên bố trí vải bẫy dầu. Nước thải sau lắng tại ngăn cuối tự chảy vào hố thu nước phía Tây Nam mỏ, định kỳ thu gom dầu mỡ nổi trên bề mặt bể, lưu giữ tương tự đối với CTNH khác và thu gom đất, cát lắng dưới đáy bể.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tạm thời có bể chứa chất thải (dung tích bể chứa khoảng 01 m³) tại khu vực khai trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải mang đi xử lý.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ và vận hành khai thác

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, không chờ quá tải trọng quy định.
- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

- Tiến hành khai thác theo hình thức khấu theo lớp bằng, vận tải trực tiếp từng khu vực trong thời gian ngắn nhất; khi bốc xúc lên xe để vận chuyển đến nơi tiêu thụ phải phủ kín bạt thùng xe vận chuyển.

- Sử dụng máy móc mới, đạt tiêu chuẩn, định kỳ bảo dưỡng máy móc thi công, điều chỉnh máy làm việc ở điều kiện tốt nhất

- Bố trí khu vực rửa xe để rửa sạch bánh xe, gầm xe trước khi ra khỏi mỏ.
- Phun nước tưới đường vận chuyển nội mỏ và tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra Quốc lộ 18 để chống bụi, tần suất 2 giờ/lần.

b) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo đúng số lượng.

- Bố trí xe tưới nước thường xuyên trên tuyến đường vận chuyển và bề mặt khai trường mỏ.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ và vận hành khai thác

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật: Các loại cây lấy gỗ được bán lại cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng; đối với các loại cây côi, cỏ dại, cây bụi... được thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng cơ bản mỏ gồm đá cát bột kết, sạn kết được thu gom vận chuyển đến nơi tiêu thụ. Đất phủ được tập kết tại bãi chứa sân công nghiệp và bãi chứa tạm trong khai trường khai thác để tận dụng san gạt mặt bằng, trồng cây và san lấp hố thu nước trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường.

- Chất thải rắn là đất đá rơi, vãi trong quá trình khai thác: Thu gom vận chuyển cùng sản phẩm đất đá khai thác đến nơi tiêu thụ.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 2 thùng rác dung tích khoảng 60 lít đặt tại khu vực nhà điều hành. Hàng ngày được đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý.

b) Giai đoạn giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường mỏ:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 2 thùng rác dung tích khoảng 60 lít đặt tại khu vực nhà điều hành. Hàng ngày được đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý.

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ: đối với sắt, thép, tôn phá dỡ được thu gom về nhà máy gạch Đại Phong để tận dụng tái sử dụng, đối với bê tông, gạch vỡ được tận dụng cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ và vận hành khai thác

Chất thải nguy hại được thu gom vào 04 thùng chứa dung tích từ 20-120 lít, có nắp đậy kín, đánh dấu CTNH lưu trữ tại kho chứa CTNH diện tích 4m² nằm trong lán tạm điều hành. Việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải nguy hại tuân thủ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để bàn giao mang đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường mỏ

Chất thải nguy hại được thu gom vào 04 thùng chứa dung tích từ 20-120 lít, có nắp đậy kín, đánh dấu CTNH lưu trữ tại kho chứa CTNH tạm diện tích 4m² nằm trong lán tạm điều hành. Việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải nguy

hại tuân theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để bàn giao mang đi xử lý theo quy định. Cuối giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường kho chứa được tháo dỡ cùng lán tạm điều hành và san gạt để trồng cây.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng máy móc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Không sử dụng đồng thời nhiều máy móc thiết bị có tiếng ồn lớn.
- Không vận chuyển vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.
- Trồng và duy trì cây xanh xung quanh khu vực khai thác và tuyến đường vận tải.
- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Diện tích cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng diện tích sử dụng đất là 9,923 ha, khi kết thúc khai thác hiện trạng cụ thể như sau:

- Khai trường 9,468ha ở cos +30m (bao gồm cả đường vận chuyển nội mỏ, hồ thu nước phía Bắc mỏ có diện tích 400m² và bãi chứa tạm đất bóc phủ bề mặt diện tích 1.800m²-2.500m²).

- Phần diện tích ngoài ranh giới khai thác, gồm: Bãi chứa 900m²; hồ thu nước phía Tây Nam có diện tích 860m²; đường vận chuyển ngoài mỏ dài 304m và rãnh thu nước dọc theo tuyến đường kích thước 0,8×0,4×0,4m; lán tạm điều hành kết cấu khung thép mái tôn diện tích 48 m², kho chứa chất thải nguy hại bên trong lán tạm điều hành diện tích 4m², bể thu nước thải rửa xe xây gạch diện tích 6m².

b) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khai trường khai thác: san lấp hồ thu nước phía Bắc; san gạt lại toàn bộ mặt bằng; đào hố, đổ đất màu trồng cây keo.

- Phần diện tích ngoài ranh giới khai thác: Lắp đặt hàng rào thép B40 xung quanh và cấm biển cảnh báo nguy hiểm tại hồ thu nước phía Tây Nam; tháo dỡ các hạng mục lán tạm điều hành, bể lắng nước thải rửa xe, san gạt lại mặt bằng, đào hố, đổ đất màu trồng cây keo và cải tạo tuyến đường vận chuyển.

- Trồng cây keo mật độ 1.250 cây/ha tại khu vực khai trường khai thác,

khu vực bãi chứa, khu vực phụ trợ.

Tổng hợp khối lượng công tác cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Đối với khai trường khai thác		
1	San lấp hồ thu nước		
-	Xúc bốc đất san lấp	m ³	880
-	Vận chuyển đất màu từ bãi chứa về hồ thu	m ³	464,58
-	Lu lèn đảm bảo K90	m ³	880
2	San gạt lại mặt bằng khai trường khai thác		
-	Xúc bốc đất phủ từ bãi chứa sân công nghiệp lên ô tô vận chuyển	m ³	3.408,5
-	Vận chuyển đất phủ từ bãi chứa sân công nghiệp về khai trường khai thác	m ³	3.408,5
-	San gạt mặt bằng	m ³	17.108,55
3	Trồng và chăm sóc cây xanh	cây	15.386
-	Xúc bốc, vận chuyển đất màu	m ³	415,42
II	Đối với sân công nghiệp và khu vực phụ trợ		
1	Phá dỡ lán điều hành tạm, bể lắng nước thải rửa xe		
-	Phá dỡ móng	m ³	0,58
-	Phá dỡ kết cấu thép	tấn	0,7
-	Phá dỡ mái tôn	m ²	51,3
-	Phá dỡ thành bể	m ³	1,1
-	Phá dỡ đáy bể	m ³	0,66
2	San gạt lại mặt bằng	m ³	284,4
3	Trồng cây xanh	cây	154
-	Xúc bốc đất màu	m ³	4,16
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường		
4.1	San gạt lại mặt đường	m ³	820,8
4.2	Lu lèn mặt đường	m ²	2.736
5	Cải tạo hồ thu nước phía Tây Nam mỏ		
5.1	Lắp dựng hàng rào lưới thép B40	m ²	141,12
5.2	Lắp đặt biển báo nguy hiểm	cái	01

Kế hoạch thực hiện: Dự kiến từ tháng 2/2028 đến tháng 01/2029

c) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường là 1.366.203.078 đồng (Một tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm linh ba nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng).

Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 5 lần.

+ Ký quỹ lần đầu số tiền là 341.550.770 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

+ Ký quỹ từ lần thứ 2 tới lần thứ 5, mỗi lần số tiền là 256.163.077 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng).

Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hải Dương với tổng số tiền 874.619.982 đồng theo Dự án cải tạo phục hồi môi trường đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 22/01/2014. Do đó, số tiền này được đối trừ cho 3 lần đầu Công ty đã nộp. Công ty chỉ phải thực hiện ký quỹ cho lần thứ 4 là 235.420.019 đồng và lần thứ 5 là 256.163.077 đồng (Số tiền này chưa tính đến yếu tố trượt giá). Thời điểm ký quỹ: không quá 07 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hải Dương.

4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố cháy nổ: Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy, lắp đặt các biển báo đề phòng cháy nổ tại khu vực khai trường khai thác và sản xuất công nghiệp; không để các nguyên vật liệu dễ gây cháy gần nguồn phát sinh nhiệt. Khi xảy ra sự cố cháy, cần cách ly khu vực cháy với khu vực xung quanh để tránh đám cháy lan rộng gây ra tình trạng cháy rừng; sử dụng các phương tiện, thiết bị chữa cháy cục bộ để ứng phó, trong trường hợp sự cố có khả năng vượt tầm kiểm soát cần báo ngay cho cơ quan có chức năng.

- Sự cố sạt lở vách taluy: Tuân thủ đúng thiết kế khai thác, duy trì góc nghiêng mái taluy và thường xuyên kiểm tra tình trạng của mái taluy. Khi có hiện tượng hoặc xảy ra sạt lở cần ngừng ngay hoạt động khai thác, di rời người và máy móc ra khỏi khu vực nguy hiểm và báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền. Không thi công khai thác vào những ngày có điều kiện thời tiết xấu như mưa, bão. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, cháy nổ, cháy rừng, mưa bão.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

- *Giám sát môi trường không khí, môi trường nước:* dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo Điều 97 và 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- *Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:*

+ Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Giám sát sạt lở, sụt lún:* theo hoạt động của mỏ.

+ Vị trí giám sát: khu vực khai trường khai thác có mái taluy; tuyến đường vận chuyên.

+ Tần suất thực hiện: hàng ngày.

- *Giám sát hệ thống thoát nước:* khả năng thu và tiêu thoát nước của hệ thống rãnh thu thoát nước; khả năng lưu giữ, xử lý nước mưa của hố thu nước; khối lượng bùn lắng cặn trong hệ thống thoát nước.

+ Vị trí giám sát: mương thu thoát nước; hố thu nước.

+ Tần suất giám sát: hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khai thác mỏ lộ thiên.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án trong quá trình khai thác.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sạt lở, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công xây dựng cơ bản mỏ, vận hành khai thác và cải tạo, phục hồi môi trường; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thực hiện công tác đền bù thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng cơ bản và vận hành khai thác do sụt lún và các tuyến đường vận chuyển bị hư hỏng./.